

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 23-01-2025

V/v “Ly hôn, thực hiện nghĩa vụ chung
về tài sản của vợ chồng khi ly hôn, tranh
chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Yên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Phúc;
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Kiến Hòa – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 476/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024 về “Ly hôn, thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng khi ly hôn, tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 454/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 12 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2025/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Ngọc L**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Ông **Phan Quốc N**, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Ấp H, xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ngân hàng P;

Địa chỉ: Phường C, Quận Đ, Thành phố Hà Nội;

Đại diện theo pháp luật:

Ông **Phạm Toàn V** – Tổng giám đốc Ngân hàng P;

Đại diện theo ủy quyền:

Ông **Nguyễn Văn T** – Giám đốc Ngân hàng P - chi nhánh huyện G, tỉnh Bến Tre;

Đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng:

Ông **Lê Minh K** – Phó Giám đốc Ngân hàng P - chi nhánh huyện G, tỉnh Bến Tre;

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

(Tất cả vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện; Bản khai; Đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt; Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Biên bản hòa giải và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông N kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 08/9/2005, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, thời gian đầu bà và ông N sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2022 thì mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là ông N thường xuyên uống rượu, sau khi uống rượu xong ông N về đập phá nhà cửa, đánh vợ con, cầm dao và các hung khí khác đe dọa bà. Bà có báo sự việc đến Tổ trưởng và chính quyền địa phương nhờ can thiệp (nhưng không lập biên bản), bà cũng đã khuyên can nhiều lần nhưng ông N vẫn không thay đổi. Bà và ông N đã sống ly thân khoảng hơn 02 năm nay. Nay bà xác định không còn tình cảm với ông N nên xin được ly hôn.

Về con chung: Bà và ông N có 03 con chung tên Phan Nguyễn Mai T1, sinh ngày 15/3/2004, Phan Nhân T2, sinh ngày 10/6/2005 và Phan Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 25/7/1999, đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà và ông N tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Bà và ông N có vay Ngân hàng P (ghi tắt là Ngân hàng) số tiền gốc là 170.000.000 (một trăm bảy mươi triệu) đồng, đã trả được 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng tiền gốc, còn nợ lại 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng tiền gốc và một số tiền lãi. Một mình bà sẽ chịu trách nhiệm trả số nợ này cho Ngân hàng, không yêu cầu ông N cùng bà trả.

Do bận công việc nên bà xin vắng mặt trong vụ án “Ly hôn, thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng khi ly hôn” giữa bà và ông N.

Theo Đơn yêu cầu độc lập, Đơn xin rút yêu cầu độc lập, Bản khai, Biên bản hòa giải và các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án, đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng P là ông Lê Minh K trình bày:

Bà L và ông N (trong đó ông N ủy quyền cho bà L theo Hợp đồng ủy quyền số

2023.07.21.021 ngày 09/01/2023) có ký Hợp đồng tín dụng 7107LAV202300430 ngày 31/01/2023 với Ngân hàng P (ghi tắt là Ngân hàng), theo đó số tiền cấp tín dụng là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng. Theo Giấy nhận nợ số 7107LDS202314588 ngày 24/11/2023 thì Ngân hàng cho bà L và ông N vay số tiền là 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng; giải ngân ngày 24/11/2023; thời hạn vay là 12 tháng; mục đích vay là cải tạo vườn, chăn nuôi bò, dê; kỳ hạn trả nợ là 01 kỳ vào ngày 24/11/2024 trả 120.000.000 (một trăm hai mươi triệu) đồng; ngày trả nợ cuối cùng là ngày 24/11/2024; lãi suất là 9,0%/năm, lãi suất thả nổi; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay đã thỏa thuận. Theo Giấy nhận nợ số 7107LDS202413667 ngày 06/11/2024 thì Ngân hàng cho bà L và ông N vay số tiền là 150.000.000 (một trăm năm mươi triệu) đồng; giải ngân ngày 06/11/2024; thời hạn vay là 36 tháng; mục đích vay là cải tạo vườn, chăn nuôi bò, dê; kỳ hạn trả nợ là 03 kỳ: kỳ 01 vào ngày 06/11/2025 trả 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng, kỳ 02 vào ngày 06/11/2026 trả 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng, kỳ 03 vào ngày 06/11/2027 trả 70.000.000 (bảy mươi triệu) đồng; ngày trả nợ cuối cùng là ngày 06/11/2027; lãi suất là 10,5%/năm, lãi suất thả nổi; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất vay đã thỏa thuận.

Đối với các khoản vay trên, Ngân hàng cho vay không đảm bảo bằng tài sản theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015 của Chính Phủ và khoản 3 Điều 1 Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/2018 của Chính Phủ (sửa đổi, bổ sung Nghị định số 55), theo đó giấy tờ chứng minh quyền sở hữu tài sản là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 500607 đối với thửa đất số 80 có diện tích 1.202,1m², tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bến Tre cấp ngày 15/6/2016 cho bà L và ông N.

Do bà L có yêu cầu ly hôn với ông N nên Ngân hàng có yêu cầu độc lập là yêu cầu bà L và ông N liên đới thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 22/11/2024 là 170.789.452 (một trăm bảy mươi triệu bảy trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi hai) đồng, trong đó tiền gốc là 170.000.000 (một trăm bảy mươi triệu) đồng, tiền lãi là 789.452 (bảy trăm tám mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi hai) đồng và yêu cầu tính tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng từ ngày 23/11/2024 đến ngày thanh toán hết nợ. Trường hợp bà L và ông N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán trên thì Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên bán đấu giá các tài sản của bà L và ông N để thanh toán hết nợ, cụ thể là quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 80 có diện tích 1.202,1m², tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre và tài sản trên đất. Tuy nhiên, bà L có ý kiến là một mình bà sẽ chịu trách nhiệm trả số nợ trên cho Ngân hàng, không yêu cầu ông N cùng trả, Ngân hàng đồng ý. Ngân hàng tự nguyện rút lại yêu cầu độc lập trên, không yêu cầu giải quyết trong vụ án “ly hôn” giữa bà L và ông N, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện trong vụ án khác.

Ông xin vắng mặt trong vụ án “Ly hôn, thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng khi ly hôn” giữa bà L và ông N.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre đã tổng đạt

hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các Giấy triệu tập nhưng bị đơn ông N đều vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án:

Bà Nguyễn Thị Ngọc L khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre giải quyết ly hôn, nợ chung với ông Phan Quốc N; Ngân hàng P có yêu cầu độc lập là yêu cầu bà L và ông N liên đới trả nợ vay cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã ký. Ông N hiện cư trú tại xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn, thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng khi ly hôn, tranh chấp hợp đồng tín dụng thuộc thẩm quyền thụ lý giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà L và đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng P (ghi tắt là Ngân hàng) là ông Lê Minh K vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Bị đơn ông N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ vào khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà L, ông K và ông N.

Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Bà L và ông N tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 08/9/2005 nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp, được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình chung sống, theo bà L trình bày thì sau khi kết hôn, thời gian đầu bà và ông N sống hạnh phúc, nhưng sau đó thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2022 thì mâu thuẫn trầm trọng, nguyên nhân mâu thuẫn là ông N thường xuyên uống rượu, sau khi uống rượu xong ông Nam về đập phá nhà cửa, đánh vợ con, cầm dao và các hung khí khác đe dọa bà; bà có báo sự việc đến Tổ trưởng và chính quyền địa phương nhờ can thiệp (nhưng không lập biên bản), bà cũng đã khuyên can nhiều lần nhưng ông N vẫn không thay đổi; bà và ông N đã sống ly thân khoảng hơn 02 năm nay; nay bà xác định không còn tình cảm với ông N nên xin được ly hôn. Tòa án

đã nhiều lần mời ông N đến để hòa giải nhằm hàn gắn nhưng ông N đều vắng mặt, không có lý do.

Như vậy, trong quá trình chung sống giữa bà L và ông N đã có phát sinh mâu thuẫn, ông bà đã không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Tòa án đã nhiều lần mời bà L và ông N đến để hòa giải nhằm hàn gắn nhưng bà L vẫn kiên quyết xin ly hôn; ông N đều vắng mặt, không có lý do, điều này thể hiện ông N đã bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân giữa ông và bà L. Mặt khác, bà L và ông N đã sống ly thân thời gian dài nhưng đến nay vẫn không hàn gắn được. Từ đó có đủ cơ sở khẳng định hôn nhân của bà L và ông N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà L, bà L được ly hôn với ông N.

[4] Về con chung:

Bà L khai bà và ông N có 03 con chung tên Phan Nguyễn Mai T1, sinh ngày 15/3/2004, Phan Nhân T2, sinh ngày 10/6/2005 và Phan Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 25/7/1999, đều đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Ông N vắng mặt, không có lý do và cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L. Xét thấy, các con chung của bà L và ông N đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung:

Bà L khai bà và ông N tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Ông N vắng mặt, không có lý do và cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[6] Về nợ chung:

Bà L và Ngân hàng đều khai bà L và ông N có vay của Ngân hàng số tiền tổng cộng là 170.000.000 (một trăm bảy mươi triệu) đồng theo Hợp đồng tín dụng 7107LAV202300430 ngày 31/01/2023, Giấy nhận nợ số 7107LDS202314588 ngày 24/11/2023 và Giấy nhận nợ số 7107LDS202413667 ngày 06/11/2024. Do bà L xin ly hôn với ông N nên Ngân hàng có yêu cầu độc lập là yêu cầu bà L và ông N liên đới trả nợ vay cho Ngân hàng theo Hợp đồng tín dụng đã ký trên. Ông N vắng mặt, không có lý do, cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà L và đối với yêu cầu độc lập của Ngân hàng. Tuy nhiên, sau đó, Ngân hàng tự nguyện rút lại yêu cầu độc lập trên, không yêu cầu giải quyết trong vụ án “ly hôn” giữa bà L và ông N, sau này có phát sinh tranh chấp sẽ khởi kiện trong vụ án khác. Xét thấy, việc rút yêu cầu độc lập trên của Ngân hàng là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của luật nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự, đình chỉ yêu cầu độc lập trên của Ngân hàng.

Từ những nhận định trên, có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng.

[7] Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà L phải nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 277, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 59, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc L:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn với ông Phan Quốc N.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Phan Quốc N có ba con chung tên Phan Nguyễn Mai T1, sinh ngày 15/3/2004, Phan Nhân T2, sinh ngày 10/6/2005 và Phan Nguyễn Ngọc M, sinh ngày 25/7/1999, đều đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Ngọc L khai tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Ông Phan Quốc N vắng mặt, không có lý do và cũng không cung cấp ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Ngọc L. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

- Về nợ chung: Đình chỉ yêu cầu độc lập của Ngân hàng P về việc yêu cầu bà Nguyễn Thị Ngọc L và ông Phan Quốc N trả nợ vay theo Hợp đồng tín dụng 7107LAV202300430 ngày 31/01/2023, Giấy nhận nợ số 7107LDS202314588 ngày 24/11/2023 và Giấy nhận nợ số 7107LDS202413667 ngày 06/11/2024.

2. Về án phí sơ thẩm:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng do bà Nguyễn Thị Ngọc L phải nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004280 ngày 18/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre hoàn trả lại cho Ngân hàng P số tiền tạm ứng án phí mà Ngân hàng đã nộp là 4.270.000 (bốn triệu hai trăm bảy mươi nghìn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007482 ngày 28/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

3. Về quyền kháng cáo:

Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã Lương Hòa, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Phương Yên